

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 597 /BTC - TCT  
V/v chính sách thuế liên  
quan đến tiền chi trả dịch  
vụ môi trường rừng.

*Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2014*

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 2456/CT-THNVDT ngày 7/11/2013 của Cục Thuế tỉnh Đắk Nông báo cáo đề xuất về chính sách thuế liên quan đến tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở đề xuất của UBND tỉnh Đắk Nông tại công văn số 4027/UBND-KTTC ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông về quản lý, sử dụng và chính sách thuế liên quan đến tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, công văn số 7568/CT-KTT ngày 26/11/2013 của Cục Thuế tỉnh Kon Tum đề nghị hướng dẫn chính sách thuế đối với tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Bộ Tài chính dự kiến hướng dẫn như sau:

**1/ Về thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường; Điều 4, Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT.

Căn cứ quy định nêu trên, tiền dịch vụ môi trường rừng thực chất là do bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trả cho bên cung ứng, khoản tiền này được chi trả thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh, Quỹ này được trích lại tiền để làm kinh phí hoạt động, phần còn lại chi trả cho các đơn vị. Do vậy, Bộ Tài chính thấy đề xuất của Cục Thuế tỉnh Đắk Nông tại công văn số 2546/CT-THNVDT ngày 1/11/2013 là phù hợp. Cụ thể là: tiền dịch vụ môi trường rừng không chịu thuế GTGT vì nếu thu thuế GTGT đối với khoản tiền này thì bên cung ứng phải nộp thuế GTGT, đồng thời bên chi trả được khấu trừ thuế GTGT, không tăng thu cho Ngân sách mà tăng thủ tục kê khai nộp thuế phức tạp qua các khâu trung gian (trong đó Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cũng không phải là đơn vị nộp thuế).

**2/ Về thuế thu nhập cá nhân (TNCN)**

Tại điểm 6 mục III phần A Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định

chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân; tại điểm e khoản 1 điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 18/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân quy định thu nhập được miễn thuế:

“Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường”.

Căn cứ quy định nêu trên, tiền dịch vụ môi trường rừng trả cho các hộ, cá nhân nhận khoán trực tiếp sản xuất lâm nghiệp, trồng rừng có tính chất tương tự thu nhập của hộ gia đình, cá nhân theo các qui định nêu trên nên thuộc đối tượng được miễn thuế TNCN.

### 3/ Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Tại Điều 7 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định:

“Thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh ghi trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập sau:

...

22. Các khoản thu nhập nhận được bằng tiền hoặc hiện vật từ các nguồn tài trợ trừ khoản tài trợ nêu tại Khoản 7 Điều 8.

23. Các khoản thu nhập khác theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ quy định nêu trên, khoản chi trả môi trường rừng là một khoản thu nhập chịu thuế khi xác định thuế TNDN của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng và Công ty lâm nghiệp có trực tiếp tổ chức bảo vệ rừng. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng và các Công ty lâm nghiệp phải thực hiện kê khai, nộp thuế TNDN theo quy định.

4/ Về phương pháp hạch toán nguồn thu, các khoản chi và việc quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

#### a) Đối với chủ rừng (Công ty lâm nghiệp)

Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 về hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Như vậy, phần diện tích rừng còn lại của chủ rừng (công ty lâm nghiệp) trực tiếp tổ chức bảo vệ rừng, thì số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của diện tích rừng là nguồn thu của chủ rừng. Chủ rừng quản lý, sử dụng theo quy định của Nhà nước về tài chính hiện hành áp dụng đối với từng loại hình tổ chức đó.

**b) Đối với Quỹ bảo vệ và phát triển rừng**

Tại Điều 8 Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng:

**“Điều 8. Chế độ kế toán; quản lý tài sản**

1. Quỹ Trung ương, Quỹ cấp tỉnh, Quỹ cấp xã áp dụng Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) để thực hiện công tác kế toán Quỹ.

2. Quỹ Trung ương, Quỹ cấp tỉnh, Quỹ cấp xã thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và các văn bản hướng dẫn”

Căn cứ quy định nêu trên, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh áp dụng Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) để thực hiện công tác hạch toán, kế toán.

Để có cơ sở hướng dẫn thống nhất và đúng quy định về chính sách thuế liên quan đến tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, Bộ Tài chính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các tỉnh có ý kiến về nội dung nêu trên. Ý kiến tham gia gửi về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế, địa chỉ: 123 Lò Đúc, Hà Nội, Fax: 043.9727739) trước ngày 23 / 1 /2014.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ PC - BTC;
- Lưu: VT; TCT (VT, CS (3b)).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

**Số: 129 /SY-UBND**

*Bình Định, ngày 24 tháng 01 năm 2014*

**Nơi nhận:**

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài chính;
- Cục Thuế tỉnh;
- PVPNN, K13;
- Lưu: VT (05b).

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG**



**Nguyễn Đức Thi**

**DANH SÁCH CÁC TỈNH TRIỂN KHAI QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**  
(Xếp xếp theo A, B, C)

| TT | CÁC TỈNH   |
|----|------------|
| 1  | Bắc Kạn    |
| 2  | Bình Định  |
| 3  | Bình Phước |
| 4  | Bình Thuận |
| 5  | Cao Bằng   |
| 6  | Đắk Lắk    |
| 7  | Đắk Nông   |
| 8  | Đồng Nai   |
| 9  | Điện Biên  |
| 10 | Gia Lai    |
| 11 | Hà Giang   |
| 12 | Hà Tĩnh    |
| 13 | Hòa Bình   |
| 14 | Khánh Hòa  |
| 15 | Kon Tum    |
| 16 | Lai Châu   |
| 17 | Lào Cai    |
| 18 | Lâm Đồng   |
| 19 | Lạng Sơn   |
| 20 | Nghệ An    |
| 21 | Ninh Thuận |
| 22 | Phú Yên    |
| 23 | Phú Thọ    |
| 24 | Quảng Nam  |
| 25 | Quảng Ninh |
| 26 | Quảng Trị  |

|    |                |
|----|----------------|
| 27 | Quảng Ngãi     |
| 28 | Sơn La         |
| 29 | Tây Ninh       |
| 30 | Thanh Hóa      |
| 31 | Thừa Thiên Huế |
| 32 | Tuyên Quang    |
| 33 | Thái Nguyên    |
| 34 | Yên Bái        |